

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN
KIM BÔI TỈNH HÒA BÌNH**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST

Ngày 23/12/2020

(Về việc: ly hôn và tranh chấp nuôi con)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BÔI, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đà Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Thim

Ông Bùi Thanh Nông

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2020/TLST-HNGĐ ngày 19/10/2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Th, sinh năm 1986

Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1977

Đều có ĐKKHKT tại: Xóm ĐS, xã XT, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 20/11/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Hạ Bì (Nay là thị trấn Bo), huyện K, tỉnh Hòa Bình đúng quy định của pháp luật và có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới, hai vợ chồng cùng chung sống với bố mẹ bên chồng, thời gian đầu hạnh phúc. Khi sống chung cùng gia đình chồng thì vợ chồng chị có trục trặc, mâu thuẫn từ năm 2010. Nên vợ chồng chị và con đã về nhà bố mẹ đẻ của chị ở từ năm 2010 tại xóm ĐS, xã XT, huyện K, tỉnh Hòa Bình và mượn đất của mẹ chị Th khai hoang để xây nhà và ở trên đất đó. Sau khi sinh con thứ 2 anh T vẫn không thay đổi. Nguyên nhân là do anh T hay uống rượu, gây sự, chửi bới, đánh đập vợ con. Đã nhiều lần chị khuyên anh uống ít rượu và có sự tôn trọng vợ con nhưng anh T không thay đổi. Cuộc sống vợ chồng luôn trong tình trạng căng thẳng. Năm 2015 chị đã từng làm đơn ly hôn nhưng sau đó nghĩ thương con nên tạo cơ hội cho anh T điều chỉnh, để vợ chồng hàn gắn hôn

nhân, nhưng anh T chỉ hứa thay đổi mà không thay đổi được. Chị không còn tình cảm với anh T từ lâu. Chị và các con đã về nhà mẹ đẻ của chị để ở. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị kiên quyết đề nghị Tòa án xem xét cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị Th và anh T có hai con chung là Bùi Anh T, sinh ngày 28/10/2009 và Bùi Thị Tú Q, sinh ngày 02/01/2012. Hiện nay cả hai con đang ở với chị tại nhà mẹ đẻ của chị tại xóm ĐS, xã XT, huyện K, tỉnh Hòa Bình. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con. Tuy nhiên, vì nhà vợ chồng chị ở ngay cạnh nhà bà ngoại nên chị đồng ý để anh Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con là Bùi Anh T, cũng là để cân bằng tâm lý cho anh T trong giai đoạn đầu sau khi ly hôn. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con là Bùi Thị Tú Q cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Chị chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh chị có một căn nhà cấp 4 hai gian, diện tích xây dựng 64m², xây dựng trên đất của bố mẹ đẻ chị Bùi Thị Th khai hoang cho mượn tại xóm ĐS, xã XT, huyện K, tỉnh Hòa Bình, có hai chiếc xe mô tô, một tủ lạnh. Tại đơn khởi kiện, chị ghi tự thỏa thuận, không đề nghị xem xét giải quyết, nhưng tại biên bản tự khai chị đề nghị giải quyết. Đến phiên họp tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tại phiên tòa chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản do muốn hai vợ chồng tự thỏa thuận.

Về công nợ: Chị Th khai vợ chồng chị không vay nợ ai, không có tài sản cho ai vay.

Về án phí: Chị Bùi Thị Th tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn dân sự sơ thẩm.

Bị đơn (Anh Bùi Văn T) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Th kết hôn đúng như chị Th đã trình bày. Tuy nhiên, anh không đồng ý với nội dung chị Th cho rằng hôn nhân không hạnh phúc là do anh say rượu đánh đập vợ con. Anh không nát rượu, chỉ thỉnh thoảng tổ chức gặp gỡ bạn bè thì uống say, tháng cũng chỉ vài lần. Khi say cũng có to tiếng. Do anh bị tai nạn nên sức khỏe và thần kinh không được tốt nên dễ nóng tính. Mâu thuẫn vợ chồng cũng do anh yêu vợ nên có hay ghen vì vợ biểu hiện tình cảm nhạt nhẽo, không quan tâm đến chồng. Chị Th không còn tình cảm với anh nhưng anh còn tình cảm với chị Th và đề nghị Tòa án xét xử xem xét cho anh và chị Th được đoàn tụ để vợ chồng điều chỉnh, xây dựng hạnh phúc gia đình, chăm lo cho con. Anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T xác nhận vợ chồng anh có hai con chung là Bùi Anh T, sinh ngày 28/10/2009 và Bùi Thị Tú Q, sinh ngày 02/01/2012. Anh đề nghị Tòa án giao một con cho anh nuôi vì các con còn nhỏ tuổi, không nhận thức đầy đủ mọi việc. Bố có mắng, có thương các con cũng không nhìn nhận hết được. Bản thân anh đi làm công việc kéo dây điện thuê cho điện lực thu nhập cũng đảm bảo

nuôi con. Chị Th đi làm tại doanh nghiệp theo ca, cũng có thời gian đi làm ca đêm nên thời gian cũng không đảm bảo có mặt ở nhà liên tục để chăm sóc con được chu đáo. Do vậy nếu Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của chị Th cho ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi con trai là Bùi Anh T, sinh ngày 29/10/2009. Không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác nhận chị Th khai như trên là đúng. Anh và chị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh và chị Th không nợ ai, không cho ai vay. Nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa hôm nay, chị Bùi Thị Th giữ nguyên quan điểm về việc yêu cầu ly hôn anh Bùi Văn T. Về con chung chị đồng ý để anh Bùi Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con là Bùi Anh T, sinh ngày 29/10/2009, chị được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con là Bùi Thị Tú Q, sinh ngày 02/01/2012. Chị Th và anh T chưa ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

* Anh Bùi Văn T không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho ly hôn thì anh vẫn giữ quan điểm được trực tiếp nuôi dưỡng con trai là Bùi Anh T, sinh ngày 29/10/2009 và chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

* *Kiểm sát viên – đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã Th hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Th đối với anh Bùi Văn T. Về con chung: giao cháu Bùi Thị Tú Q sinh ngày 02/01/2012 cho chị Bùi Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Bùi Anh T, sinh ngày 29/10/2009 cho anh Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Anh chị chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về công nợ anh, chị xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về án phí, chị Bùi Thị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả diễn biến tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

* **Về tố tụng:** Chị Bùi Thị Th khởi kiện vụ án về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” đối với bị đơn là anh Bùi Văn T có hộ khẩu thường trú tại xóm ĐS, xã XT, huyện K, tỉnh Hòa Bình nên việc Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình

thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều tuân thủ quy định của pháp luật, có mặt đầy đủ khi được triệu tập, thông báo.

*** Về nội dung:**

Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bùi Thị Th và anh Bùi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 20/11/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Hạ Bì (Nay là thị trấn Bo), huyện K, tỉnh Hòa Bình đúng quy định của pháp luật.

Trên cơ sở các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện vợ chồng anh chị trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thiếu tin tưởng nhau, bất đồng về quan điểm sống. Mặc dù Tòa án đã nỗ lực hòa giải nhưng chị Bùi Thị Th và anh Bùi Văn T vẫn không tìm được tiếng nói chung. Chị Th kiên quyết xin ly hôn do tình cảm không còn. Mặc dù anh T có nguyện vọng đoàn tụ, Tòa án đã tạo điều kiện để anh chị có cơ hội hàn gắn hôn nhân trong quá trình giải quyết vụ án, nhưng anh chị không khắc phục được quan hệ tình cảm.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Th và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị Th xin ly hôn anh T đủ căn cứ, nguyện vọng chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Cần chấp nhận yêu cầu của chị Th về việc ly hôn.

Về con chung:

Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhận thấy, mặc dù cả hai con tại thời điểm giải quyết vụ án đều đã trên 7 tuổi và đều có nguyện vọng ở với mẹ, nhưng quá trình xác minh nhận thấy mâu thuẫn gia đình xuất phát phần nhiều từ khác biệt về quan điểm sống giữa chị Th và anh T. Bản thân anh T cũng là người bố có trách nhiệm với các con, có công việc và thu nhập đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung. Quá trình giải quyết vụ án anh T tuân thủ pháp luật. Tại phiên tòa, chị Th cũng đồng ý để anh T trực tiếp nuôi dưỡng con là Bùi Anh T để anh T có thời gian cân bằng lại cuộc sống sau ly hôn. Cháu Bùi Thị Tú Q là con gái, chị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao con là Bùi Anh T, sinh ngày 29/10/2009 cho anh Bùi Văn T; giao con là Bùi Thị Tú Q, sinh ngày 02/01/2012 cho chị Bùi Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Tòa án là đảm bảo quyền và lợi ích của các bên đương sự. Chị Th và anh T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom đối với con con mình không trực tiếp nuôi dưỡng mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Cả chị Th và anh T chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị đều xác nhận có một ngôi nhà cấp 4 diện tích xây dựng khoảng 64m² xây nhờ trên đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do mẹ đẻ chị Bùi Thị Th khai hoang tại xóm ĐS, xã XT, huyện K, tỉnh Hòa Bình, hai chiếc xe mô tô, một tủ lạnh. Tuy nhiên, anh chị có nguyện vọng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về công nợ chung: Anh chị khai không nợ ai, không ai nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Bùi Thị Th tự nguyện nộp toàn bộ án phí 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; 35; 39; khoản 4 Điều 147; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 53; 56; 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Th đối với anh Bùi Văn T. Chị Bùi Thị Th được ly hôn với anh Bùi Văn T.

2. Về con chung:

Giao cháu Bùi Anh T, sinh ngày 29/10/2009 cho anh Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Tòa án.

Giao cháu Bùi Thị Tú Q, sinh ngày 02/01/2012 cho chị Bùi Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Tòa án.

Chị Bùi Thị Th và anh Bùi Văn T có nghĩa vụ, quyền thăm nom đối với con chung mình không trực tiếp nuôi dưỡng mà không ai được cản trở.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của chị Bùi Thị Th và anh Bùi Văn T cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Th phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Bùi Thị Th đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0007220 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hòa Bình, nay chuyển thành án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Th và anh Bùi Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND thị trấn B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Đà Giang

